

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T,  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 20/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 01 – 2022

V/v tranh chấp về  
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Hồ Thị Kim P

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn N

2. Bà Trần Ngọc A

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thiện N1 là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T1

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người đại diện theo pháp luật:** bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc.

**- Người đại diện theo ủy quyền:** ông Trần Minh S – chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang (Quyết định số 3977 ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc V/v ủy quyền ký hợp đồng thoả thuận, văn bản và tham gia tố tụng)

**- Người đại diện theo uỷ quyền lại:** anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984;

chức vụ: Phó Phòng giao dịch Phú T – chi nhánh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2021, (có mặt).

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Đặng Văn N2, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

2.2. Bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1970 (vợ ông C), (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Cái Tắc, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 26/9/2018 Phòng giao dịch Phú T và bị đơn ký Hợp đồng cho vay số LD1826900123, hợp đồng hạn mức, tức là chỉ ký hợp đồng một lần, nếu khách hàng tiếp tục vay tiền thì lần sau không lập hợp đồng mà khách hàng chỉ ký giấy nhận nợ.

Bên bị đơn vay lần này là lần thứ hai, Giấy nhận nợ số LD1927400101 ngày 01/10/2019, Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 10,5%/năm, áp dụng 06 tháng đầu tiên, sau đó sẽ điều chỉnh theo mức lãi tăng hoặc giảm, cứ 03 tháng điều chỉnh mức lãi một lần, thời hạn vay 01 năm, ngày trả nợ 01/10/2020. Tiền lãi trả vào ngày 25 hằng tháng, tiền gốc trả khi đến hạn là ngày 01/10/2020.

Để bảo đảm nợ vay hai bên ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1826900123 ngày 26/9/2018, bị đơn thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 4059m<sup>2</sup> đất lúa thuộc tờ bản đồ số 1, thửa đất số 4418, địa chỉ xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số

cấp GCN: CH01572 ngày 07/4/2014 do UBND huyện Phú T, tỉnh An Giang cấp cho ông Nhân, bà T1 đứng tên.

Sau khi vay đến hạn bị đơn chưa trả vốn, tiền lãi trả đủ đến ngày 30/9/2020, từ ngày 01/10/2020 đến nay ngưng không trả lãi. Nhiều lần Ngân hàng đến nhà bị đơn thông báo nợ, nhưng vẫn chưa trả, đến nay đã hết hạn hợp đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nhân, bà T1 trả tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 22.753.018đ (làm tròn số 22.753.000đ, tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 17/5/2021 là ngày khởi kiện), tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2021 đến khi thanh toán đủ tiền gốc; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1826900123 ngày 26/9/2018.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Văn N2 (là bị đơn) trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày trên của Ngân hàng, vợ chồng ông (vợ tên Trần Thị Thu T2) còn nợ Ngân hàng tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi chưa trả từ ngày 01/10/2020 đến nay.

Tài sản thế chấp diện tích 4059m<sup>2</sup> đất lúa thuộc tờ bản đồ số 1, thửa đất số 4418, địa chỉ xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01572 ngày 07/4/2014 do UBND huyện Phú T, tỉnh An Giang cấp cho vợ chồng ông đứng tên. Năm 2018 trước khi thế chấp Ngân hàng (không nhớ ngày tháng) vợ chồng ông đã cố toàn bộ 4059m<sup>2</sup> cho vợ chồng ông C, bà Nhung, giá cố 120.000.000đ, hạn cố 02 năm, đến nay hết hạn, nhưng ông không có tiền chuộc lại, nên ông C, bà Nhung vẫn tiếp tục canh tác. Hai bên có làm giấy tay cố đất 01 bản bên vợ chồng ông C, bà Nhung giữ.

Đề nghị Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Tài sản thế chấp theo giá thị trường hiện nay khoảng 350.000.000đ đủ trả nợ Ngân hàng và trả tiền cố đất cho ông C, bà Nhung. Do làm ăn thua lỗ nên không còn khả năng trả nợ. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 07/01/2021 bà Trần Thị Thu T2 (đồng bị đơn) trình bày: bà thống nhất với trình bày của ông Đặng Văn N2 và không có yêu cầu khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn văn C, bà Phạm Thị Nhung đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, nên không có lời khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn N2 và bà Trần Thị Thu T2 trả tiền vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 07/01/2022 ông Đặng Văn N2, bà Trần Thị Thu T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Tuyết Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có người đại diện và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nhân, bà T1 và ông C, bà Nhung

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền vay gốc 200.000.000đ, tiền lãi 22.753.000đ (tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 17/5/2021 là ngày khởi kiện) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1826900123 ngày 26/9/2018 cho đến khi dứt nợ. Ông Nhân thừa nhận số nợ trên và không có yêu cầu gì, đề nghị Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp là đất nông nghiệp diện tích 4059m<sup>2</sup> để thanh toán nợ, bà T1 cũng thống nhất với lời khai trên của ông Nhân. Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đặng Văn N2 và bà Trần Thị Thu T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 số tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 22.753.000đ, cộng chung 222.753.000đ. Ngoài ra, còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi của Hợp đồng tín dụng số LD1826900123 ngày 26/9/2018.

[2.2] Việc thế chấp tài sản là nhằm bảo đảm tiền vay, nên Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp, ông Nhân cũng đề nghị phát mãi tài sản

thể chấp để thanh toán tiền vay. Do đó, cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD 1826900123 ngày 26/9/2018.

[2.3] Đối với ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Tuyết Nh không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[2.4] Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Nhân, bà T1 với ông C, bà Nhung nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là ông Nhân, bà T1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Nhân, bà T1 có đơn xin miễn tiền án phí do khó khăn về tài chính, không còn khả năng trả nợ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên xem xét giảm cho ông Nhân, bà T1 một phần tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là anh Nguyễn Văn L. Buộc ông Đặng Văn N2 và bà Trần Thị Thu T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 số tiền vay gốc 200.000.000đ, tiền lãi 22.753.000đ (tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 17/5/2021), cộng chung số 222.753.000đ (*bằng chữ: hai trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp chấp quyền sử dụng đất số LD 1826900123 ngày 26/9/2018.

- Kể từ ngày 18/5/2021 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1826900123 ngày 26/9/2018.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Văn N2 và bà Trần Thị Thu T2 phải chịu 5.568.000đ (đã giảm 50%).

+ Hoàn trả 5.500.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T1 theo biên lai thu tiền số 04022 ngày 16/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Lưu.

**Hồ Thị Kim P**

